

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

QUYẾT ĐỊNH:

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo số 24/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/7/2004 về biên chế năm học 2004 - 2005 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung học sư phạm và cao đẳng sư phạm.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 03/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình trung học cơ sở;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

Điều 1. Quy định biên chế năm học 2004 - 2005 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung học sư phạm và cao đẳng sư phạm bao gồm ngày tựu trường, ngày khai giảng, ngày bắt đầu và kết thúc học kỳ, ngày hoàn thành chương trình giảng dạy - học tập, các kỳ thi, ngày nghỉ lễ, Tết và thời gian nghỉ hè như sau:

1. Nghỉ Tết Âm lịch 7 ngày, thời gian cụ thể do Giám đốc Sở căn cứ vào tình hình cụ thể của từng địa phương quyết định.

2. Các trường sư phạm nghỉ Tết Âm lịch 14 ngày, từ ngày 05/02/2005 đến hết ngày 18/02/2005.

3. Các ngày lễ khác được nghỉ theo quy định chung, cụ thể: đối với ngày Tết Dương lịch, ngày giải phóng miền Nam, ngày Quốc tế lao động và ngày Quốc khánh mỗi ngày lễ được nghỉ 1 ngày; nếu các ngày trên trùng vào ngày nghỉ hàng tuần thì được nghỉ bù vào một ngày làm việc kế tiếp.

Điều 2. Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định về:

1. Biên chế và điều chỉnh biên chế năm học của các trường thuộc địa bàn khó khăn do điều kiện tự nhiên, hoặc thiên tai, nhưng bảo đảm cho học sinh dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông, bổ túc

văn hóa trung học phổ thông và thi chọn học sinh giỏi quốc gia theo quy định chung tại Điều 1;

2. Thời gian và hình thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển) vào các lớp đầu cấp học;

3. Thay đổi thời gian thi tốt nghiệp tiểu học, trung học cơ sở và nghỉ học trong các trường hợp đặc biệt, nhưng phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

4. Số lượng kỳ thi trong năm, ngày thi cụ thể của mỗi kỳ thi đối với thi tốt nghiệp bổ túc tiểu học và bổ túc trung học cơ sở;

Điều 3. Giao cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định về:

1. Ngày kết thúc năm học;
2. Thời gian nghỉ giữa kỳ, cuối mỗi học kỳ;
3. Các hoạt động giáo dục tập thể theo chủ điểm;
4. Ngày thi nghề ở giáo dục phổ thông, đảm bảo hoàn thành trước ngày 01/4/2005;
5. Ngày khai giảng đối với bổ túc trung học cơ sở;
6. Thời gian và hình thức thi học sinh giỏi tiểu học, trung học cơ sở;
7. Cho học sinh nghỉ học trong trường hợp thiên tai lũ lụt, thời tiết khắc nghiệt

(lạnh dưới 10°C đối với tiểu học, dưới 7°C đối với trung học cơ sở);

8. Việc nghỉ hè của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên các trường trong phạm vi trách nhiệm quản lý, bảo đảm thời gian nghỉ đủ hai tháng.

Điều 4. Thời hạn báo cáo quy định như sau:

1. Báo cáo nhanh về tình hình chuẩn bị điều kiện cho năm học mới và tổ chức khai giảng: trước ngày 31/8/2004;

2. Báo cáo sơ kết học kỳ I: trước ngày 31/01/2005;

3. Báo cáo sơ bộ đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ năm học: trước ngày 20/5/2005;

4. Báo cáo tổng kết năm học và báo cáo thực hiện các chỉ tiêu công tác đề nghị xét khen thưởng năm học 2004 - 2005: trước ngày 15/6/2005.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 6. Các Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO

Thủ trưởng

Nguyễn Văn Vọng

Các ngành học, cấp học, bậc học	Ngày tựu trường	Ngày khai giảng	Học kỳ I	Học kỳ II	Ngày hoàn thành chương trình	Các kỳ thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
1. Mầm non	25/8/2004	05/9/2004	05/9/2004 đến 14/01/2005	17/01/2005 đến 24/5/2005	24/5/2005	
2. Tiểu học	25/8/2004	05/9/2004	05/9/2004 đến 14/01/2005 lớp 1, 2, 3: 18 tuần thực học lớp 4, 5: 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác	17/01/2005 đến 31/5/2005 lớp 1, 2, 3: 17 tuần thực học, lớp 4, 5: 16 tuần thực học, 1 tuần nghỉ Tết Âm lịch, còn lại dành cho các hoạt động khác	31/5/2005 (riêng lớp 5: 17/5/2005)	Thi tốt nghiệp ngày 20/5/2005
3. THCS	25/8/2004	05/9/2004	05/9/2004 đến 14/01/2005 lớp 6, 7, 8: 18 tuần thực học, riêng lớp 9: 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác	17/01/2005 đến 31/5/2005 lớp 6, 7, 8: 17 tuần thực học, riêng lớp 9: 16 tuần thực học, 1 tuần nghỉ Tết Âm lịch, còn lại dành cho các hoạt động khác	31/5/05 (riêng lớp 9: 17/5/05)	Thi tốt nghiệp các ngày 25 và 26/5/2005
4. THPT	25/8/2004	05/9/2004	05/9/2004 đến 14/01/2005 18 tuần thực học, trong đó có 32 tiết giáo dục quốc phòng, còn lại dành cho các hoạt động khác	17/01/2005 đến 31/5/2005 16 tuần thực học, 1 tuần nghỉ Tết Âm lịch, còn lại dành cho các hoạt động khác	24/5/05 (riêng lớp 12: 17/5/05)	Thi học sinh giỏi quốc gia các ngày 10 và 11/3/2005 Thi tốt nghiệp các ngày 6, 7 và 08/6/2005

Các ngành học, cấp học, bậc học	Ngày tựu trường	Ngày khai giảng	Học kỳ I	Học kỳ II	Ngày hoàn thành chương trình	Các kỳ thi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)
5. BTVH THPT	25/8/2004	08/9/2004	Kết thúc ngày 14/01/2005	Kết thúc ngày 31/ 5/2005 Riêng lớp 12: dành 2 tuần ôn thi tốt nghiệp	17/5/05	Thi tốt nghiệp các ngày 6, 7 và 08/6/2005
6. Sư phạm		chậm nhất ngày 15/9/2004	Hệ chính quy tại các trường trung học sư phạm và cao đẳng sư phạm Hệ bồi dưỡng chuẩn hóa tại các trường trung học sư phạm và cao đẳng sư phạm			Thi cuối khóa 01-15/6/05 15-20/6/05